

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Phương án thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; UBND thị xã Bỉm Sơn xây dựng Kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 là việc định kỳ, nhằm đánh giá đúng thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính (cấp xã, huyện, tỉnh, các vùng kinh tế) gắn với công tác quản lý nhà nước về đất đai của UBND các cấp trên địa bàn Thị xã trong giai đoạn năm 2015-2019; làm cơ sở đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; là nền tảng, căn cứ để lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 và xây dựng chiến lược, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển - kinh tế xã hội của Thị xã đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

Công tác tổ chức, thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu kiểm kê phải được thực hiện nghiêm túc. Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn Thị xã phải thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng tiến độ thời gian; bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế sử dụng đất trên địa bàn từng địa bàn xã, phường.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019

1. Phạm vi thực hiện

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 thị xã Bỉm Sơn được tiến hành đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn Thị xã, trong đó

cấp xã là đơn vị cơ bản thực hiện kiểm kê. Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của cấp xã là cơ sở để tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của cấp huyện, cấp tỉnh.

2. Đối tượng thực hiện

Đối tượng kiểm kê đất đai năm 2019 gồm: Diện tích các loại đất, các loại đối tượng sử dụng, đối tượng được Nhà nước giao để quản lý; tình hình quản lý và sử dụng đất của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp, các dự án xây dựng nhà ở thương mại, các công trình sự nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của UBND xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã); đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp.

III. NỘI DUNG KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019

1. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với các loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng quản lý đất theo quy định tại Mục 1, Chương II, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất (sau đây gọi là Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT); các chỉ tiêu loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng được Nhà nước giao quản lý, sử dụng đất phải kiểm kê, tổng hợp theo đúng hệ thống biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 02, Thông tư số 27/2018/TT-TNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Nội dung kiểm kê đất đai chuyên đề theo yêu cầu tại Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Chỉ thị số 15/CT-TTg).

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa gồm: Diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền, không thu tiền hoặc thuê đất; diện tích đất đang sử dụng đúng mục đích được giao được thuê; diện tích sử dụng không đúng mục đích; diện tích chưa sử dụng; diện tích đang có tranh chấp; diện tích để bị lấn, bị chiếm; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất); tình hình cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất. Phiếu điều tra thực hiện theo Mẫu số 01 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất; việc tổng hợp kết quả theo Biểu số 01/CT15 – Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: Diện tích các loại đất đang sử dụng; diện tích chưa sử dụng; diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền, không thu tiền hoặc được thuê đất; diện tích sử dụng đúng mục đích, sử dụng không đúng mục đích giao (như: Tự ý chuyển sang sản xuất, kinh doanh, dịch

vụ phi nông nghiệp hoặc bố trí làm nhà ở cho người lao động); diện tích đang cho thuê, cho mượn; diện tích để bị lấn, bị chiếm; diện tích đang có tranh chấp; xác định cụ thể diện tích dự kiến bàn giao cho địa phương quản lý; diện tích đã đo đạc địa chính; tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phiếu điều tra thực hiện Mẫu số 02 - Tờ kê khai tình hình quản lý sử dụng đất của các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; việc tổng hợp kết quả và các Biểu gồm: Biểu số 2a/CT15- Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp và Biểu 2b/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý sử dụng đất của các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại (đối với các dự án chưa hoàn thành, chưa bàn giao cho các đối tượng quản lý, sử dụng) gồm: Diện tích theo hình thức giao đất, thuê đất; diện tích đang sử dụng đúng mục đích, sử dụng không đúng mục đích được giao, được thuê; diện tích chậm tiến độ theo dự án đầu tư được duyệt; diện tích chưa sử dụng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai của chủ đầu tư, tình hình sử dụng căn hộ để ở tại dự án; tình hình cấp giấy chứng nhận cho người mua nhà. Phiếu điều tra thực hiện theo Mẫu 03 - Tờ khai tình hình quản lý, sử dụng đất tại dự án Xây dựng nhà ở thương mại; biểu tổng hợp kết quả theo Biểu số 03/CT15- Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh gồm: Diện tích đất được giao, được thuê, diện tích sử dụng đúng mục đích, diện tích sử dụng vào mục khác; diện tích đang cho thuê, cho mượn; diện tích đang có tranh chấp; diện tích để bị lấn, bị chiếm; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (đối với công trình công cộng có mục đích kinh doanh); tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phiếu điều tra thực hiện theo Mẫu 01 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất; việc tổng hợp kết quả vào các biểu gồm: Biểu số 04/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập; Biểu 05/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình công cộng có mục đích kinh doanh.

- Tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là quỹ đất công ích xã) gồm: Vị trí, diện tích, hình thức để tập trung hay phân tán, tình hình sử dụng quỹ đất công ích xã vào mục đích nông nghiệp theo quy định tại Khoản 3, Điều 132, Luật Đất đai tính đến ngày 31/12/2019; tình hình lập hồ sơ quản lý quỹ đất công ích; diện tích đất công ích đã sử dụng vào mục đích khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 132, Luật Đất đai trong 5 năm qua (từ năm 2015 đến năm 2019). Thực hiện theo các biểu gồm: Biểu số 06a/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý sử dụng diện tích đất

công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06b/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06c/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn đã sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc để bồi thường cho người bị thu hồi đất trong 5 năm (từ 2015-2019).

3. Một số nội dung kiểm kê khác theo Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường

- Kiểm kê đối với diện tích đất sạt lở, bồi đắp trong 5 năm qua (nếu có) bao gồm: Diện tích bị sạt lở, diện tích bồi đắp ven sông theo các loại đất chính (đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng). Việc điều tra tổng hợp kết quả thực hiện theo Mẫu biểu số 07/QĐ- Kiểm kê diện tích đất sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (từ 2015-2019).

- Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, bao gồm: Diện tích cần xây dựng hạ tầng và diện tích đã hoàn thành xây dựng hạ tầng; diện tích để chuyển nhượng, cho thuê sản xuất kinh doanh, trong đó: Diện tích đã chuyển nhượng, cho thuê để sản xuất kinh doanh; tỷ lệ lấp đầy; tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng và cho người sử dụng đất sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất. Phiếu điều tra thực hiện theo Mẫu số 04 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; Biểu tổng hợp số 08/QĐ - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

IV. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Đối với nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với diện tích các loại đất; diện tích các loại đối tượng đang sử dụng đất, đối tượng đang quản lý, sử dụng đất trên địa bàn Thị xã được thực hiện trên cơ sở tài liệu, dữ liệu đất đai hiện có, kết hợp với điều tra thực tế, khoanh vẽ, chỉnh lý lên bản đồ kết quả điều tra kiểm kê đối với các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê (từ năm 2015 đến năm 2019) và tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai theo đúng quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Đối với các nội dung kiểm kê đất đai theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; các dự án xây dựng nhà ở thương mại; các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh: Khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp kết hợp điều tra

gián tiếp do cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh chủ trì phối hợp với UBND các cấp huyện, xã thực hiện trên cơ sở tổ chức cho người sử dụng đất kê khai, kết hợp kiểm tra thực tế và hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tổng hợp, báo cáo.

- Đối với đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích: UBND cấp xã căn cứ vào các tài liệu cho thuê đất công ích của xã (hợp đồng thuê đất, sổ sách theo dõi việc cho thuê đất) và các loại bản đồ sử dụng cho quản lý đất đai ở địa phương (bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, sơ đồ giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP, bản đồ chỉnh lý sau dồn điền đổi thửa), kết hợp với bản đồ kiểm kê đất đai để tổng hợp các thửa đất nông nghiệp công ích của xã; sử dụng phần mềm kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp kết quả kiểm kê đất nông nghiệp công ích của các cấp xã, huyện. Địa phương đã thực hiện điều tra, kiểm kê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 03/01/2018 thì rà soát, cập nhật thay đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp, phản ánh đúng thực tế công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn.

- Đối với diện tích sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (2015-2019) do UBND cấp xã thực hiện gắn với quá trình kiểm kê đất đai bằng phương pháp sử dụng bản đồ kết quả điều tra kiểm kê năm 2014 kết hợp với các loại bản đồ khác để xác định khoanh vẽ xác định diện tích các khu vực bị sạt lở hoặc bồi đắp trong 5 năm qua để tổng hợp báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện kiểm tra thực tế việc khoanh vẽ trước khi tiếp nhận, tổng hợp kết quả.

3. Tính toán, xử lý, tổng hợp số liệu

Việc tính toán, xử lý, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 áp dụng công nghệ thông tin theo phần mềm của Bộ Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo độ chính xác và quản lý thống nhất số liệu.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các cấp để đảm bảo chất lượng số liệu kiểm kê và bản đồ hiện trạng sử dụng đất phản ánh đúng thực tế sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 22, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

V. THỜI ĐIỂM KIỂM KÊ VÀ THỜI HẠN HOÀN THÀNH

1. Thời điểm thực hiện

Thời điểm triển khai thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện từ ngày 01/8/2019. Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 được tính đến ngày 31/12/2019.

2. Thời hạn hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019

- Cấp xã hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16/01/2020.

- Cấp huyện hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 01/3/2020.

VI. HỒ SƠ GIAO NỘP KẾT QUẢ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2019

1. Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019 của UBND các cấp được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 23 Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 1/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê kiểm kê đất đai và lập Bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

a. Hồ sơ của UBND cấp xã giao nộp gồm:

- Bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã file diện tích tạo vùng kết nối dữ liệu của bản đồ và Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai kèm theo (01 bộ số);

- Bảng tổng hợp các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê do Văn phòng Đăng ký đất đai gửi đến đã được Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát thực tế, xác nhận (01 bộ giấy);

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai (01 bộ giấy và 01 bộ số - nếu có);

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất (01 bộ giấy và 01 bộ số khuôn dạng *.DGN; file diện tích tạo vùng);

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai (01 bộ giấy);

b. Hồ sơ của UBND cấp huyện giao nộp gồm:

- Bản đồ kiểm kê đất đai và Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai kèm theo (01 bộ số);

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp xã (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã (01 bộ số);

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện và Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất (01 bộ giấy và 01 bộ số);

2. Hồ sơ giao nộp kiểm kê đất đai chuyên đề theo yêu cầu của Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Chính phủ và Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

a. Hồ sơ của UBND cấp xã giao nộp

- Biểu số 06a/CT15 - Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích; Biểu số 06b/CT15 - Kiểm kê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06c/CT15 - Kiểm kê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích đã sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc để bồi thường cho người bị thu hồi đất trong 5 năm (từ 2015-2019).

- Biểu số 07/QĐ- Kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (từ 2015-2019).

b. Hồ sơ của UBND thị xã giao nộp

Biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích và Biểu kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (từ 2015-2019) của toàn huyện thuộc tỉnh (Biểu số 06b/CT15; 06c/CT15 và 07/QĐ).

3. Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê đất quốc phòng, an ninh

Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê đất quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 21, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

4. Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của cấp xã, cấp huyện, ngoài các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 15, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, còn phải phân tích, đánh giá cụ thể, chi tiết tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích, diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp ở địa phương.

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của cấp tỉnh, ngoài các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 15, Thông tư số 27/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, còn phải phân tích, đánh giá cụ thể, chi tiết tình hình quản lý, sử dụng đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp (trọng tâm là tình hình quản lý, sử dụng đất, việc giải quyết, xử lý việc chống lấn, xâm lấn, tranh chấp đất đai, việc chấp hành thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh liên quan đến sử dụng đất của các ban quản lý từng đặc dụng, phòng hộ, các công ty nông, lâm nghiệp); đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích; đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp và diện tích đất các đảo; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để tăng cường quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các đối tượng này.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn Thị xã do ngân sách địa phương bảo đảm để thực hiện các nhiệm vụ do UBND thị xã và xã, phường thực hiện theo phân cấp và quy định của pháp luật.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu cho UBND Thị xã thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai năm 2019 thị xã Bim Sơn, chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo Thị xã xây dựng

Phương án thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp Thị xã và xã, phường; hướng dẫn phương pháp kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019, cung cấp tài liệu, biểu mẫu, phần mềm thống kê, bản đồ nền cho xã, phường và chủ trì phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định dự toán kinh phí của các xã, phường gửi đến và tổng hợp báo cáo kết quả thẩm định làm cơ sở để phòng Tài chính - kế hoạch trình UBND Thị xã.

- Tham mưu, giúp Ban chỉ đạo tổ chức Hội nghị tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ chuyên môn thực hiện việc kiểm kê đất đai trên địa bàn Thị xã trước 28/11/2019; Trực tiếp chỉ đạo Tổ chuyên viên giúp việc cho Ban chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch kiểm kê đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tham mưu cho UBND thị xã thuê đơn vị tư vấn thực hiện xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của thị xã theo đúng quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định dự toán kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của Ban chỉ đạo thị xã và các xã, phường gửi đến và tổng hợp báo cáo trình UBND thị xã phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

3. Phòng Nội vụ

Có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, đối chiếu bản đồ địa giới hành chính, các tài liệu liên quan đến quản lý địa giới hành chính các cấp; cung cấp tài liệu cho Tổ chuyên viên của Thị xã thực hiện rà soát xác định diện tích tự nhiên của các xã, phường phục vụ công tác kiểm kê đất đai tại đơn vị hành chính cơ bản.

4. Ban chỉ huy quân sự Thị xã, Công an Thị xã

Chủ trì, phối hợp với UBND xã, phường thực hiện kiểm kê quỹ đất quốc phòng, an ninh để thống nhất số liệu phục vụ yêu cầu tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của từng địa phương theo thời gian, tiến độ của kế hoạch; gửi báo cáo kết quả về Tổ chuyên viên của Thị xã để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Thị xã.

5. Phòng kinh tế

Chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã, phường để cung cấp các tài liệu, bản đồ, số liệu về kết quả kiểm kê hiện trạng rừng, số liệu theo dõi, cập nhật diễn biến rừng năm gần nhất phục vụ nhiệm vụ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019. Tổ chức rà soát, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện số liệu kiểm kê, theo dõi hiện trạng rừng thống nhất, phù hợp với số liệu, dữ liệu kiểm kê đất đai năm 2019.

6. Các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn Thị xã

Trên cơ sở Kế hoạch kiểm kê đất đai của thị xã, tổ chức thực hiện kê khai

đất đai do đơn vị mình đang quản lý, sử dụng; cung cấp số liệu, hồ sơ cho Ban chỉ đạo xã, phường và Tổ công tác Thị xã để tổng hợp.

7. Các thành viên Ban chỉ đạo Thị xã

Thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch UBND Thị xã giao, phối hợp với Tổ công tác, UBND xã, phường để theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo UBND xã, phường thực hiện hoàn thành việc kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, huyện đảm bảo chất lượng, tiến độ và thời gian quy định.

8. UBND xã, phường

- Thành lập Tổ công tác, thành phần gồm: 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND cấp xã làm Tổ trưởng, công chức địa chính làm tổ phó, công chức ngành chuyên môn thuộc UBND xã, các trưởng thôn, khối phố để giúp Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn xã, phường.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ điều tra, thu thập, cập nhật, chỉnh lý tài liệu, số liệu phục vụ kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; phân tích đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai.

- Chủ tịch UBND xã, phường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND Thị xã trong việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn xã, phường đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và thời gian quy định.

9. Đài Truyền thanh - Truyền hình Thị xã tăng cường công tác tuyên truyền, thời lượng dung lượng các chuyên đề, bài viết nhằm tuyên truyền công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn Thị xã.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo UBND Thị xã (*qua phòng Tài nguyên và Môi trường*) để tổng hợp, hướng dẫn giải quyết kịp thời, thống nhất. *WJ*

Nơi nhận:

- Sở TNMT (B/c);
- Thường trực Thị ủy, HĐND Thị xã;
- CT, các PCT UBND TX;
- MTTQ và các đoàn thể Thị xã;
- BCH Quân sự, Công an Thị xã;
- Các phòng, ban UBND Thị xã;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Tống Thanh Bình